



**PHỤ LỤC 01**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của

**Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười**

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất: Theo Nghị quyết số 24/2023/NQ/ĐHĐCĐ TM ngày 28/6/2023)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười (Công ty) ban hành ngày 16/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ/ĐHĐCĐ TM ngày 28/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười chi tiết theo bảng dưới đây:

Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
1	<b>Phần Căn cứ:</b>	
	Sửa đổi: Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;  Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2	<b>Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ:</b>	
	Sửa đổi: mục d khoản 1 về định nghĩa “Luật Doanh nghiệp”.	d. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
	Sửa đổi: mục h khoản 1 về định nghĩa “Những người có liên quan”.	h. “Những người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
3	<b>Điều 12. Cổ phần</b>	
3.1	Sửa đổi: mục d khoản 12.1	<b>12.1.</b> Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:  đ) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp;

Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
	<u>Bổ sung:</u> mục g khoản 12.1	g) Cổ đông nhóm cổ đông đang khởi kiện có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.
3.2	<u>Sửa đổi, bổ sung:</u> khoản 12.2	<p><b>12.2</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>12.2.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:</p> <p>a- Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>b- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 12.3 Điều này.</p> <p>c- Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d- Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>12.2.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:</p> <p>a- Quyền theo quy định tại mục 12.2.1 Điều này.</p> <p>b- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>
3.3	<u>Bổ sung:</u> mục g khoản 12.5	<p><b>12.5.</b> Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</p> <p>g) Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>
3.4	<u>Bỏ:</u> câu cuối mục b khoản 12.7	<p><b>12.7.</b> Cổ phiếu</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>
3.5	<u>Bổ sung:</u> mục e khoản 12.8	<p><b>12.8.</b> Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>e) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>

*Đức*  
*Amu*  
*ml*



Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
3.6	<p>Sửa đổi: mục a khoản 12.9</p> <p>Sửa đổi: mục b khoản 12.9</p>	<p><b>12.9</b> Chào bán cổ phần</p> <p>a) Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, thì số cổ phần này sẽ được ưu tiên chào bán cho cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý để cổ đông thông qua. Việc chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định tại điều 123, 124, 125, 126 của Luật doanh nghiệp. Mọi cổ phần không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông. Cổ đông cũng có thể chuyển quyền mua cho người khác.</p> <p>b) Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.</p>
3.7	<p>Sửa đổi: mục a, f khoản 12.10.</p> <p>Bổ sung: mục g khoản 12.10.</p>	<p><b>12.10.</b> Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>a) Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>g) Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
4	<b>Điều 17. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
4.1	Sửa đổi: khoản 17.2.	<b>17.2</b> Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4.2	Sửa đổi: khoản 17.6.	<b>17.6.</b> Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 17.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
5	<b>Điều 18. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	Sửa đổi: khoản 18.1.	<b>18.1.</b> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

*DM*

*Amc*

*uc*



Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
6	<b>Điều 20. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	Sửa đổi: khoản 20.1.	20.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
7	<b>Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	Sửa đổi: khoản 22.1.	22.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
8	<b>Điều 24. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b>	
8.1	Bổ sung: mục e Khoản 24.3	e) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
8.2	Sửa đổi: mục c Khoản 24.4	<b>24.4 Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
8.3	Sửa đổi: mục e, Khoản 24.5	<b>24.5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
9	<b>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	Bổ sung: khoản 25.4.	25.4. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
10	<b>Điều 27. Hội đồng quản trị</b>	
	Sửa đổi: câu cuối Khoản 27.4	27.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp

7/02  
Kiem  
w



Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
		luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị nói trên.
	<u>Sửa đổi:</u> Khoản 27.5	<b>27.5.</b> Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Riêng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) không được tham gia quá 02 nhiệm kỳ.
<b>11</b>	<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	
	<u>Bổ sung:</u> câu cuối khoản 29.3.	<b>29.3.</b> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.  Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
<b>12</b>	<b>Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<u>Sửa đổi:</u> Khoản 32.4	<b>32.4.</b> Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.  Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn nêu trong điều 155 Luật doanh nghiệp.
<b>13</b>	<b>Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b>	
	<u>Bổ sung:</u> câu cuối khoản 33.3.	<b>33.3.</b> Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.  Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
<b>14</b>	<b>Điều 34. Giám đốc Công ty</b>	
	<u>Sửa đổi:</u> khoản 34.2	<b>34.2.</b> Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện



*[Handwritten signatures and marks]*

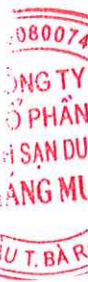


Stt	Mục sửa đổi, bổ sung	Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ
		<p>các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp.</p>
15	<b>Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b>	
	<u>Bổ sung:</u> khoản 38.5.	<b>38.5.</b> Hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua dù giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: “ Hợp đồng, Giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó”.
16	<b>Điều 39. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</b>	
16.1	<u>Sửa đổi:</u> khoản 39.2	<b>39.2.</b> Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
16.2	<u>Bổ sung:</u> mục m khoản 39.4	<b>39.4.</b> Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát m) Kiểm soát viên phải rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
17	<b>Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</b>	
	<u>Bổ sung:</u> khoản 40.5	<b>40.5.</b> Được đào tạo chuyên ngành kinh tế, tài chính, luật hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động của công ty.

Các điều, khoản của Điều lệ Công ty dẫn chiếu đến các điều khoản được sửa đổi tại phụ lục này thì được thay đổi tương ứng.

Phụ lục 01 này là một phần không thể tách rời của Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Phụ lục 01 này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2023.



*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

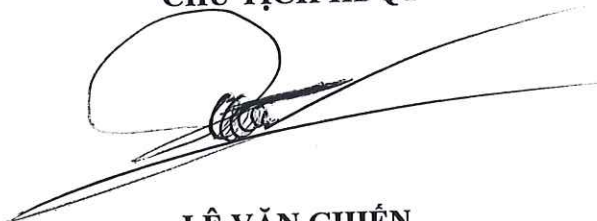
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN SỸ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ VĂN CHIẾN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



VÕ VĂN BÉ

THÀNH VIÊN HĐQT



PHAN LÊ NHẬT MINH

THÀNH VIÊN HĐQT



NGUYỄN YÊN CHI

THÀNH VIÊN HĐQT



VŨ THANH

